

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HSST
Ngày: 31/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;
2. Ông Huỳnh Trường Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/HSST ngày 26/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Trần Thị T, sinh năm: 1982; Giới tính: Nữ; ĐKNKTT và chỗ ở: Ấp Tân Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề N: Nội trợ; Trình độ học vấn: 04/12; Cha: Trần Văn Ph, sinh năm: 1956; Mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1954; Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là người thứ ba; Chồng: Trần Quốc D, sinh năm: 1975. Có 02 con chung: lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Văn P, sinh năm 1998; ĐKNKTT và chỗ ở: Ấp Quốc Hưng, xã Quốc Thái, huyện An Phú, An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: H Hảo; Nghề N: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Nguyễn Văn Âm, sinh năm: 1969; Mẹ: Ngô Thị H, sinh năm: 1963; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị can là người nhỏ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2019 đến ngày 04/5/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trần Văn Đ1, sinh năm: 1959; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn

Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- Ông Trần Quốc D, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Ấp Tân Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người làm chứng:

- Ông Võ Hoàng N, sinh năm: 1963. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 45 ngày 26/01/2019, sau khi nhận được tin báo tại nhà bà Trần Thị T ngụ ấp Tân Bình, thị trấn Long Bình, huyện An Phú đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số đề (số đầu, số lô). Lực lượng công an huyện An Phú tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Trần Thị T đang bán số đề (số đầu, số lô) được thua bằng tiền theo kết quả xổ số kiến thiết đài Long An với tổng số tiền là 13.185.000 đồng nên lực lượng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T cùng tang vật, dụng cụ dùng vào việc bán số đề.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo T khai nhận:

Khoảng đầu tháng 01/2019, bị cáo T bán số đề cho một người phụ nữ tên Thủy (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể), sinh sống bên Campuchia để được hưởng “huê hồng” thì T đồng ý.

Hàng ngày, bị cáo T bán số đề cho những người mua theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (theo đài chính) đến khoảng 16 giờ trong ngày thì T giao nộp số cho Thủy qua điện thoại và được trích “huê hồng” theo thỏa thuận cụ thể:

- Số đầu 02 con, người chơi mua 100.000 đồng thì trả cho bị cáo T 100.000 đồng, bị cáo T nộp lại cho Thủy 100.000 đồng và được hưởng 10.000 đồng. Tỷ lệ 1 trúng 90

- Số đầu 03 con, người chơi mua 100.000 đồng thì trả cho bị cáo T 100.000 đồng, bị cáo T nộp lại cho Thủy 100.000 đồng và được hưởng 10.000 đồng. Tỷ lệ 1 trúng 600.

- Số lô 02 con, người chơi mua 1.000 đồng thì trả cho bị cáo T 15.000 đồng, bị cáo T nộp lại cho Thủy 14.500 đồng và được hưởng 500 đồng. Tỷ lệ 1 trúng 80.

Ngày 26/01/2019, T bán số đề qua điện thoại (số đầu, số lô) theo kết quả xổ số kiến thiết Long An cho nhiều người với tổng số tiền 13.185.000 đồng cụ thể như bán cho Nguyễn Văn P số lô 02 con với số tiền 7.800.000 đồng, cho Trần Văn Đ1 số lô 02 con với số tiền 90.000 đồng, cho Nguyễn Thị Ánh Ng số đầu 02 con với số tiền 30.000 đồng, bà Nga (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) số đầu 02 con với số tiền 100.000 đồng, bà Ut (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) sinh sống ở Campuchia số đầu 02 con với số tiền 600.000 đồng, số tiền còn lại 4.565.000 đồng bán số đề cho ai thì T không nhớ. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày Thủy đang bán số đề thì bị Công an bắt quả tang cùng tang vật.

Bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận: Bị cáo biết bị cáo T có bán số đề nên nhắn tin từ số điện thoại di động của bị cáo qua điện thoại di động của bị cáo T để mua số lô 02 con (gồm 08 con số lô, mỗi con 60.000 đồng và 08 con số lô khác mỗi con 5.000 đồng

nhưng không nhớ rõ mua những con số nào) cho một người đàn ông Campuchia (không xác định rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền 7.800.000 đồng. Ngày 04/3/2019 bị cáo P bị khởi tố điều tra. Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1 màu xanh đen bên trong không có sim số và 30.000 đồng tiền hưởng lợi từ việc mua số đề giúp người đàn ông Campuchia lần trước đó.

Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được thể hiện qua lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như:

Bà Nguyễn Thị Ánh Ng cho biết: Vào khoảng đầu giờ chiều ngày 26/01/2019, bà đang ở nhà, bà có dùng điện thoại di động của mình nhắn tin vào số điện thoại của bị cáo T mua số đề gồm số đầu 25 là 10.000 đồng và 35 là 20.000 đồng đài Long An, kết quả thua cược, sau đó bà đã được cơ quan công an mời làm việc và bà đã giao nộp số tiền 30.000 đồng.

Ông Trần Văn Đ1 cho biết: Vào khoảng 15 giờ 10 phút chiều ngày 26/01/2019, ông có dùng điện thoại di động của mình nhắn tin vào số điện thoại của bị cáo T mua số lô 02 con gồm 11, 51, 91 mỗi con là 2.000 đồng đài Long An với tổng số tiền 90.000 đồng, sau đó ông đã được cơ quan công an mời làm việc. Hiện đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền mua số đề là 90.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của ông Trần Quốc D và ông Võ Hoàng N.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSAP ngày 26/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Trần Thị T và Nguyễn Văn P về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo khẳng định bị cáo P chỉ là người mua số đề mà bị cáo bán, không phải là người cùng bán số với bị cáo. Hàng ngày bị cáo dùng sim số 0362.559.036 và số 0365.417.614 để liên lạc với người mua số và chủ thầu. Ngày 26/01/2019 nếu không bị bắt thì số tiền huê hồng bị cáo được hưởng từ việc bán số đề là 2.100.000 đồng. Về số tiền 7.800.000 đồng mà bị cáo đã khai tại Cơ quan Điều tra là nộp thay cho bị cáo P, tại phiên tòa bị cáo cho biết là nộp để khắc phục hậu quả chứ không phải nộp thay cho bị cáo P và không yêu cầu P trả lại.

Bị cáo P khai giữa bị cáo và bị cáo T không có quan hệ thân thiết gì, chỉ biết bị cáo T là người bán số đề vì ngày trước bị cáo đã mua số đề của bị cáo T 01 lần với số tiền 2.100.000 đồng cho 01 người đàn ông Campuchia. Trong ngày 26/01/2019 bị cáo đã mua số đề của bị cáo T với tổng số tiền là 7.800.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị T với mức án tù từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P với mức án 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*”.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Tịch thu sung công quỹ số tiền Việt Nam: 13.185.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2, màu vàng gold, số IMEI 1: 3599290777690054, số IMEI 2: 359930077769053 cùng sim số 0362559036 và số 0365417614 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA X1, màu xanh đen, số IMEI 1: 085020/9, số IMEI 2: 085021/7 bên trong không có sim số, đã qua sử dụng.
- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây viết mực đỏ, 02 (hai) cây viết mực xanh, 12 (mười hai) giấy than (giấy cal), 01 (một) cùi giấy ghi số đề, 01 (một) quyển tập học sinh sử dụng ghi số đề, 03 (ba) quyển sổ theo dõi kết quả xổ số hàng ngày đã qua sử dụng, 01 (một) máy tính tay hiệu Casio.
- Bị cáo T còn phải nộp thêm 2.100.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán số đề.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt bị cáo T xin cho được hưởng án treo để nuôi con ăn học và phụ giúp gia đình, riêng bị cáo P không tranh luận về hình phạt. Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho được hưởng án treo, hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản ghi lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa thể hiện vào ngày 26/01/2019 các bị cáo T, P đã có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền với nhiều người bằng hình thức ghi số đề với tổng số tiền là 13.185.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về tính chất của vụ án thì thấy như sau:

Đánh bạc là một trong những tệ nạn trong xã hội, nó không những làm cho người tham gia bỏ bê lao động, sản xuất, chỉ trông chờ vào vận may, gây xáo trộn hoạt động bình thường trong cộng đồng dân cư mà còn kéo theo những tệ nạn khác. Do vậy, pháp luật hình sự nước ta đã quy định hành vi đánh bạc là tội phạm và những người ghi bán số đề, bán cá cược bóng đá để được hưởng hoa hồng của chủ thầu cũng như những người tham gia đều phạm vào tội đánh bạc được quy định tại điều 321 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo T và P đều là những người có đầy Đ1 nhận thức, biết pháp luật nghiêm cấm hành vi đánh bạc dưới mọi hình thức, trong đó có việc mua, bán số đề nhưng với ý thức háms lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm pháp. Qua đó cũng cho thấy các bị cáo là người xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Do vậy, khi lượng hình phải xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm để răn đe. Mặc dù bị truy tố về cùng một tội phạm, tuy nhiên qua xem xét thì đây là vụ án không có yếu tố đồng phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo không liên quan với nhau mà vai trò của từng bị cáo được thể hiện cụ thể như sau:

Trong vụ án này, bị cáo T là người trực tiếp bán số đề cho nhiều người nên phải có mức án cao hơn bị cáo P mới thỏa đáng. Bởi lẽ, chính bị cáo là người chủ động chuẩn bị các phương tiện để thực hiện tội phạm như giấy, viết, tập, điện thoại có chức năng ghi âm. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; học vấn thấp; nhân thân chưa có tiền án tiền sự; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình khó khăn và được mọi người xung quanh ký xác nhận; có con còn đang trong độ tuổi đi học, chồng bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và đã chủ động nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính từ việc bán số đề, do vậy giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo P: Bị cáo chỉ tham gia mua số đề dùm người khác để được hưởng tiền từ người mua, số tiền hưởng lợi cũng không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; chủ động nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính từ việc mua số đề, do vậy xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của địa phương, không phạm tội mới nên nghĩ không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất đối với bị cáo T là chưa tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo với mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp.

Lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế các bị cáo khó khăn nên không áp dụng. Đối với bị cáo P, lẽ ra bị cáo còn phải bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng để sung công quỹ nhà nước nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đối với Trần Văn Đ1, Nguyễn Thị Ánh Ng là những người có hành vi mua số đề do bị cáo T bán là trái pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc. Cơ quan Điều tra đã xử lý hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Các biện pháp tư pháp khác:

Về vật chứng và các tài sản có liên quan cần phân ra để xử lý như sau:

- Số tiền 13.215.000 (mười ba triệu hai trăm mười lăm ngàn) đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 01 ngày 25/3/2019 của Kho bạc Nhà nước huyện An Phú (trong đó số tiền bị cáo T đã nộp là 13.065.000 đồng, của ông Đ1 đã nộp là 90.000 đồng, của bà Ng đã nộp là 30.000 đồng, của bị cáo P đã nộp là 30.000 đồng).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2, màu vàng gold số IMEI 1: 3599290777690054, số IMEI 2: 359930077769053 cùng sim số 0362.559.036 và số 0365.417.614 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA X1, màu xanh đen, số IMEI 1: 085020/9, số IMEI 2: 085021/7 bên trong không có sim số, đã qua sử dụng.

Các tài sản này được sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây viết mực đỏ, 02 (hai) cây viết mực xanh, 12 (mười hai) giấy than (giấy cal), 01 (một) cùi giấy ghi số đề, 01 (một) quyển tập học sinh sử dụng ghi số đề, 03 (ba) quyển sổ theo dõi kết quả xổ số hàng ngày, 01 (một) máy tính tay hiệu Casio do là công cụ, Ph tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Buộc bị cáo T nộp thêm 2.100.000 (hai triệu một trăm ngàn) đồng tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc. Sung vào Ngân sách nhà nước số tiền mà bị cáo còn phải nộp thêm.

[6] Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Văn P phạm tội “*Đánh bạc*”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Các biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ số tiền Việt Nam: 13.215.000 (mười ba triệu hai trăm mười lăm ngàn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2, màu vàng gold, số IMEI 1: 3599290777690054, số IMEI 2: 359930077769053 cùng sim số 0362.559.036 và số 0365.417.614 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA X1, màu xanh đen, số IMEI 1: 085020/9, số IMEI 2: 085021/7 bên trong không có sim số, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây viết mực đỏ, 02 (hai) cây viết mực xanh, 12 (mười hai) giấy than (giấy cal), 01 (một) cùi giấy ghi số đề, 01 (một) quyển tập học sinh sử dụng ghi số đề, 03 (ba) quyển sổ theo dõi kết quả xổ số hàng ngày đã qua sử dụng và 01 (một) máy tính tay hiệu Casio.

(Tất cả vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện An Phú với Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú và biên lai thu tiền số 0000389 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

- Buộc bị cáo T phải nộp thêm 2.100.000 (hai triệu một trăm ngàn) đồng tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc. Sung vào Ngân sách nhà nước số tiền mà bị cáo còn phải nộp thêm.

Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Trần Thị T và Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2019), các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo T).

* **Nơi nhân:**

- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án tỉnh, VKS tỉnh AG;
- Sở TP tỉnh AG;
- THA DS H.An Phú;
- Cơ quan THA HS;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo